

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /SGDDĐT-GDTrH  
V/v Hướng dẫn báo cáo tổng kết  
năm học 2023-2024 đối với Giáo dục trung học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận/huyện;
- Hiệu trưởng trường THPT; Phổ thông nhiều cấp học.

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Báo cáo tổng kết nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục trung học; Căn cứ Công văn số 2156/SGDDĐT-TrH ngày 15/8/2023 về việc Hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023 – 2024.

Sở GDĐT hướng dẫn các đơn vị báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023 - 2024 như sau:

**1. Yêu cầu báo cáo:**

- Các đơn vị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học trong năm học 2023 – 2024 theo đề cương (Phụ lục).

- Báo cáo ngắn gọn, đầy đủ thông tin, đánh giá kết quả đạt được và hạn chế; số liệu chính xác, có phân tích và so sánh với cùng kỳ năm học trước.

- Các đơn vị nhập đầy đủ thông tin, các số liệu thống kê của đơn vị mình vào bảng phụ lục báo cáo, nhập đầy đủ thông tin trong báo cáo trực tuyến theo link dưới đây.

**2. Thời gian và hình thức nộp báo cáo:**

- Các đơn vị hoàn thiện báo cáo gửi về Sở GDĐT theo hệ thống quản lý e-office; bản báo cáo số liệu gửi theo các đường link sau:

Cấp THPT: <https://s.net.vn/9TZ8>

Cấp THCS: <https://s.net.vn/htQm>

- **Thời gian nộp báo cáo và cập nhật lên đường link trước 10h00 ngày 15/06/2024.**

Nhận được công văn này, đề nghị các đơn vị triển khai và nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT, TrH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Văn Lợi**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐƠN VỊ: .....

Số: .....

**PHỤ LỤC: Đề cương báo cáo tổng kết**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT GIÁO DỤC TRUNG HỌC**  
**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**Phần I**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023 - 2024**

**I. Việc phát triển mạng lưới trường, lớp; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia**

1. Phát triển quy mô trường, lớp, học sinh, giáo viên.
  - 1.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023
  - 1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
2. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia
  - 2.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023
  - 2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Công tác phổ cập giáo dục: đánh giá tình hình phổ cập THCS và các chỉ số phổ cập giáo dục, dự kiến thời gian đề nghị Bộ GDĐT kiểm tra công nhận.
  - 3.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023
  - 3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
4. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày
  - 4.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023
  - 4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
5. Cùng cố phát triển trường phổ thông bán trú (nếu có).
  - 5.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023
  - 5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

**II. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục trung học**

1. Kết quả đánh giá rèn luyện của học sinh (so sánh tỉ lệ với năm học 2022-2023).
2. Kết quả đánh giá học tập của học sinh (so sánh tỉ lệ với năm học 2022 - 2023).
3. Tình hình và kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong nhà trường

3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kết quả triển khai thực hiện Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3.2. Kết quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; các mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo của đơn vị; công tác sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (nêu rõ số lượng chủ đề đã thực hiện).

3.3. Kết quả thực hiện các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh.

3.4. Kết quả thực hiện quy chế chuyên môn, tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn, quản lý hồ sơ sổ sách trong nhà trường, đổi mới hình thức quản lý chuyên môn.

3.5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

4. Tình hình và kết quả triển khai giáo dục hướng nghiệp, công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1676/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1. Giải pháp thực hiện giáo dục hướng nghiệp phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và THPT.

4.2. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023. (có số liệu và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm không vào THPT và bỏ túc THPT; học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm không đi học đại học, cao đẳng).

4.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

5. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ, tin học, hợp tác quốc tế trong các cơ sở giáo dục trung học theo công văn số 1877/SGDĐT-GDTrH ngày 01/9/2021 của Sở GD&ĐT.

5.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023. (Nêu rõ số lượng học sinh đạt chứng chỉ quốc tế về ngoại ngữ, số lượng học sinh đạt chứng chỉ tin học Mod, số lượng học sinh học tiếng Nhật bản, Hàn quốc, Đức, Pháp .... trong nhà trường)

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

6. Kết quả thực hiện giáo dục STEM, hoạt động NCKH: Công tác lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá, kết quả đạt

6.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023 (nêu rõ số lượng chủ đề đã thực hiện)

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

7. Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể; tăng cường tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; an toàn giao thông; Công tác Đoàn, Đội trong nhà trường.

7.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023

7.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

8. Kết quả thực hiện công tác Quản lý việc dạy thêm, học thêm; giáo dục nghề phổ thông.

8.1. Kết quả thực hiện đạt được/so sánh với năm học 2022 - 2023

8.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

9. Tình hình thực hiện chuyển đổi số trong các đơn vị: Tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, tình hình sử dụng phần mềm quản lý chuyên môn điện tử trong các nhà trường; các giải pháp chuyển đổi số của đơn vị trong công tác chuyên môn..

9.1. Kết quả thực hiện đạt được

9.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

10. Tình hình hoạt động các trường có yếu tố nước ngoài

Nêu rõ ưu điểm, hạn chế hoạt động trong các trường quốc tế tại địa phương gồm các nội dung sau: đặc điểm tình hình (số lượng, chương trình học, văn bản pháp lý, tài liệu giảng dạy...); đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý (số lượng, cơ cấu, trình độ...); công tác tuyển sinh; tỷ lệ học sinh, chuyển lớp, chuyển cấp; kiểm định và đánh giá chất lượng; quản lý công nhận văn bằng; xây dựng cơ sở vật chất; hợp tác quốc tế (nếu có); vấn đề học phí và một số vấn đề khác.

### **III. Công tác triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới**

1. Việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chuẩn bị triển khai cho năm học tới; việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục.

2. Việc bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

4. Công tác lựa chọn sách giáo, tập huấn và cung ứng, sử dụng sách giáo khoa khoa.

### **IV. Đánh giá chung**

Đánh giá ngắn gọn những thành tựu đạt được; những tồn tại hạn chế; nguyên nhân các tồn tại, hạn chế chỉ rõ những vấn đề nào thuộc thẩm quyền của đơn vị, các giải pháp khắc phục.

## **Phần II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **NĂM HỌC 2024 - 2025**

I. Phương hướng

II. Nhiệm vụ trọng tâm đối với giáo dục trung học năm học 2024-2025

III. Đề xuất, kiến nghị